

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG REVICO
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG REVICO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: REVICO CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: REVICO COIN., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110560734

3. Ngày thành lập: 05/12/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Kỳ Dương, Xã Chương Dương, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0984.443.669

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
6.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn dược phẩm)	4649
8.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
9.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế)	4659
12.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng và vàng nguyên liệu)	4662
13.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

14.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hoá chất công nghiệp; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; Bán buôn cao su; Bán buôn sợi dệt; Bán buôn bột giấy.	4669
15.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá (Loại trừ hoạt động đấu giá độc lập)	8299
16.	Quảng cáo	7310
17.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
18.	Cho thuê xe có động cơ	7710
19.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
20.	In ấn	1811
21.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
22.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
23.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
24.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
25.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
26.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
27.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
28.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi;	4931
29.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng không theo tuyến cố định	4932
30.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
31.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
32.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
33.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
34.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
35.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
36.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
37.	Xây dựng nhà không để ở	4102

38.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
39.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
40.	Xây dựng công trình điện	4221
41.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
42.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
43.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
44.	Xây dựng công trình thủy	4291
45.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
46.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
47.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
48.	Phá dỡ (Trừ hoạt động nổ bom, mìn)	4311
49.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động nổ bom, mìn)	4312
50.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
51.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
52.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
53.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: -Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; -Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. Vốn điều lệ: 8.600.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 860.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHAM VĂN LUÂN	Thôn Kỳ Dương, Xã Chương Dương, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	43.000	430.000.000	5,000	0010880025 86	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	43.000	430.000.000	5,000		
2	PHẠM VĂN CHIẾN	Thôn Kỳ Dương, Xã Chương Dương, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	43.000	430.000.000	5,000	0010860141 71	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	43.000	430.000.000	5,000		

3	PHẠM THỊ KHANH	Thôn Kỳ Dương, Xã Chương Dương, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	774.000	7.740.000.000	90,000	001191002302
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	774.000	7.740.000.000	90,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM THỊ KHANH
Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 05/06/1991
Dân tộc: Kinh
Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001191002302

Ngày cấp: 16/08/2022
Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Kỳ Dương, Xã Chương Dương, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Kỳ Dương, Xã Chương Dương, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội